

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/01/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Sơn Mút**

2/ Ông **Nguyễn Văn Thiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Võ Thanh Sang** – là Thư ký Tòa án thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:* (Không thuộc trường hợp phải tham gia phiên tòa)

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ Nh**, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Thế M**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 53, khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 08/12/2020 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Chị và anh M quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi cưới bên chồng có cho một số nữ trang cưới gồm: 01 đôi bông hột xoàn 17 triệu, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 kiềng cổ 02 chỉ. Số nữ trang này vợ chồng chị đã bán 01 tấm lắc 02 chỉ, số còn lại hiện nay do anh M đang quản lý.

Sau khi cưới chị và anh M sinh sống bên gia đình anh M từ tháng 11/2019 đến tháng 9/2020. Trong thời gian sống chung do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn tác động đến đời sống vật chất, tinh thần nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị ly thân khoảng 02 tháng nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Thế M.

Thời gian qua, do bận công việc nên chị và anh M chưa đi đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nữ trang cưới: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2020, lời khai hòa giải ngày 23/12/2020 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Thế M trình bày:

Anh và chị Nh quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi cưới có cho một số nữ trang cưới gồm: 01 đôi bông hột xoàn, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 kiềng cổ 02 chỉ. Số nữ trang này vợ chồng anh đã bán 01 tấm lắc 02 chỉ, số còn lại hiện nay anh đang quản lý.

Thời gian sống chung do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng anh thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Anh và chị Nh ly thân khoảng 02 tháng nay. Anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nữ trang cưới: Anh và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Ngô Thế M; Con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ngô Thế M vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Ngô Thế M đã được Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh M đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh M quen biết, tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2019. Anh chị chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không còn hòa hợp nên anh chị đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Trong thời gian sống chung, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa anh và chị theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, theo Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp có quy định trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố: “Không công nhận quan hệ hôn nhân” giữa chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Ngô Thế M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh M chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 16, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Ngô Thế M.

- Về con chung: Chị Nh và anh M không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nh phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010610 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Chị Nh đã nộp xong.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Có mặt nguyên đơn báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX.M;
- Chi cục THADS TX.M;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hải Hằng